

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Tên chương trình : Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng
Trình độ đào tạo : Đại học
Ngành đào tạo : Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng
(Logistics and Supply Chain Management)
Loại hình đào tạo : Chính quy tập trung
Khóa : 2021 - 2025

(Ban hành theo quyết định số 2643 /QĐ-ĐHHS ngày 29 tháng 12 năm 2020
của Hiệu trưởng trường Đại học Hoa Sen)

Phiên bản 1 - Áp dụng từ Học kỳ 01, năm học 2021 – 2022

1. Mục tiêu đào tạo, chuẩn đầu ra:

1.1. Mục tiêu đào tạo

1.1.1. Mục tiêu chung:

Chương trình đào tạo cử nhân ngành Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng nhằm cung cấp cho xã hội những công dân có những phẩm chất sau đây:

- 1) Có nhận thức tốt về chủ nghĩa Mác - Lênin, hiểu rõ chính sách của Nhà nước và đường lối của Đảng Cộng sản Việt Nam về phát triển kinh tế quốc gia.
- 2) Có kiến thức và kỹ năng chuyên sâu về logistics ở trình độ đại học. Thông thạo về ngoại ngữ và công nghệ thông tin.
- 3) Có năng lực hoạch định và thực thi chính sách phát triển dịch vụ logistics, hoạt động vận tải, thương mại quốc tế. Có thể thiết kế, cung cấp và duy trì chất lượng các dịch vụ công, các gói hỗ trợ cho các đối tượng cụ thể như các nhà đầu tư phát triển hạ tầng, các hãng tàu, các nhà cung cấp dịch vụ logistics có uy tín, các nhà sản xuất sản phẩm phục vụ ngành logistics...
- 4) Khả năng làm việc độc lập, tự học, tự nghiên cứu, sáng tạo, có sức khỏe, kỹ năng giao tiếp tốt và đáp ứng yêu cầu thực tiễn của các tổ chức tiếp nhận.

1.1.2. Mục tiêu cụ thể:

- 1) Người học có đủ kiến thức cơ bản về logistics nội địa và quốc tế phù hợp với ngành đào tạo; có khả năng giao tiếp tiếng Anh trong kinh doanh logistics và các lĩnh vực liên quan và có khả năng kinh doanh trên phạm vi toàn cầu.
- 2) Có kỹ năng giao tiếp, làm việc nhóm và làm việc trong các nhóm mở rộng (liên ngành).
- 3) Có thể quản lý, điều hành và thực hiện công tác luân chuyển và tồn trữ hàng hóa với tiêu chuẩn dịch vụ quốc tế; giúp luân chuyển nhanh hàng hóa với mức chi phí thấp, nhưng vẫn bảo đảm các yêu cầu về an toàn, tuân thủ quy định quản lý xuất nhập khẩu.
- 4) Tổ chức thực hiện các chức năng cung cấp dịch vụ Logistics trong mọi tình huống như vận tải đường biển, vận tải hàng không, kho bãi, đóng gói, xếp dỡ, khai thuê hải quan, đại lý, môi giới tàu biển, tư vấn luật, bảo hiểm, an toàn và an ninh chuỗi cung ứng,



gom hàng, phân phối, thu hộ/chi hộ, cung cấp phụ tùng, phụ kiện, xử lý hư hỏng, phế thải,... giao nhận quốc tế

Vận dụng kiến thức chuyên môn về logistics vào hoạt động cung ứng dịch vụ có liên quan tại các doanh nghiệp dịch vụ logistics, hãng hàng không, công ty xuất nhập khẩu, công ty vận tải đa phương thức, cơ quan hải quan, cơ quan thuế...

1.2. Chuẩn đầu ra

Tốt nghiệp chương trình Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng (bậc Đại học) sinh viên đạt được các chuẩn đầu ra sau:

✚ Thái độ và đạo đức nghề nghiệp

- 1) Chấp hành quy định, kỷ luật lao động của tổ chức; có tác phong làm việc nghiêm túc, không ngại khó; hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao.
- 2) Có tinh thần hợp tác quốc tế trong kinh doanh; có đạo đức tốt, tuân thủ nguyên tắc «các bên tham gia cùng có lợi!»
- 3) Hiểu biết rõ và tuân thủ luật pháp Việt Nam và các cam kết quốc tế khi tham gia vào các hoạt động logistics quốc tế.
- 4) Trung thực, công bằng trong quan hệ quốc tế.

✚ Năng lực chuyên môn

Chương trình đào tạo cung cấp đầy đủ các kiến thức cơ bản và chuyên sâu về logistics quốc tế, vì thế sau khi học xong người học có khả năng thực hiện các công việc chuyên môn sau đây:

- 1) Tham mưu cho Chính phủ hoặc cơ quan đại diện của Chính phủ trong việc xây dựng chính sách phát triển ngành logistics của quốc gia.
- 2) Hiểu biết rõ và vận dụng được những quy tắc quốc tế trong giao nhận, vận tải hàng hóa quốc tế.
- 3) Có tác phong, bản lĩnh vững vàng, có khả năng ngoại ngữ tốt trong đàm phán với đối tác nước ngoài để đạt được thỏa thuận về kinh doanh.
- 4) Có khả năng dự báo nhu cầu và huy động các nguồn lực như vốn, vật tư, thiết bị, nhân lực, công nghệ và thông tin để thỏa mãn nhanh nhất nhu cầu về sản phẩm và dịch vụ của khách hàng, trên cơ sở khai thác tốt nhất hệ thống mạng phân phối hiện có của doanh nghiệp với chi phí hợp lý nhất.
- 5) Có các kỹ năng cần thiết để quản lý hiệu quả chuỗi cung ứng như mua hàng, sản xuất, lưu trữ, vận chuyển và bán hàng.
- 6) Có khả năng ra quyết định và phát triển các kỹ năng quản lý của các giám đốc điều hành liên quan đến chuỗi cung ứng dựa trên các phương pháp tiếp cận đa ngành, nhằm giải quyết được bài toán về thiết kế và bố trí kho hàng, vận chuyển hàng hóa từ nơi sản xuất đầu tiên đến các đại lý trên toàn cầu và chuyển đến nơi tiêu thụ cuối cùng sao cho chi phí thấp nhất và hiệu quả kinh doanh tối ưu.
- 7) Thực hành những kỹ năng chuyên môn có liên quan đến logistics quốc tế như quản lý và vận hành kho bãi; giao nhận hàng hóa xuất nhập khẩu; vận tải và bảo hiểm hàng hóa vận chuyển theo 4 phương thức đường bộ, đường không, đường biển, đường ống.... Hoặc vận dụng kiến thức về công nghệ thông tin vào hoạt động logistics nhằm mang lại hiệu quả cao nhất với chi phí thấp nhất.

✚ Khả năng hội nhập và học tập suốt đời

Sinh viên đạt được những kỹ năng sau:

- 1) Kỹ năng tư duy phản biện, giải quyết vấn đề, phân tích lập luận đánh giá các quy trình và giải pháp hợp lý.
- 2) Kỹ năng lãnh đạo làm việc theo nhóm, nắm bắt và tổ chức thực hiện công việc độc lập.
- 3) Có kỹ năng tự học các kiến thức bổ trợ các chuyên ngành khác để phục vụ cho hướng công việc tương lai.
- 4) Có kỹ năng tự học, tự nghiên cứu và tích lũy kinh nghiệm thực tế để có cơ hội tự làm chủ trong kinh doanh.
- 5) Thực hiện tốt trách nhiệm công dân và trách nhiệm xã hội, tuân thủ các quy ước chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp.

✦ **Cơ hội việc làm sau khi tốt nghiệp:**

Người học sau khi tốt nghiệp có thể làm việc trong các đơn vị, phòng ban liên quan đến xuất nhập khẩu, logistics như Phòng điều phối vận tải tại hãng hàng không hay công ty dịch vụ logistics, Phòng Kinh doanh xuất nhập khẩu, Quản lý cảng biển, Phòng chứng từ xuất nhập khẩu, Phòng giao nhận hàng hóa xuất nhập khẩu, Bộ phận quản lý kho bãi, dịch vụ khai báo hải quan, hoặc cơ quan hải quan với vai trò là người thực hiện trực tiếp hoặc điều hành và quản lý.

Một số công việc cụ thể:

- Chuyên gia kinh doanh vận tải biển.
- Chuyên gia kinh doanh vận tải hàng không
- Đại lý khai hải quan, forwarder, logistics
- Chuyên gia quản trị chuỗi cung ứng
- Chuyên gia quản lý kho hàng
- Nhà quản lý cảng biển, cảng hàng không,
- Quản trị vận tải giao nhận đa phương thức

2. Thời gian đào tạo: 4 năm

3. Khối lượng kiến thức toàn khóa: 130 tín chỉ (không bao gồm kiến thức Giáo dục thể chất – 03 tín chỉ và Giáo dục quốc phòng – An ninh – 165 tiết)

Đầu khóa học sinh viên được xếp lớp:

a. Trình độ ngoại ngữ:

Căn cứ vào điểm thi Trung học phổ thông quốc gia môn anh văn (nếu có) hoặc kết quả thi xếp lớp (nếu sinh viên có đăng ký dự thi), sinh viên sẽ được xếp lớp tương ứng từ cấp độ anh văn dự bị trở lên và học theo quy định học ngoại ngữ tại trường.

b. Trình độ tin học:

Kiến thức Tin học đại cương là yêu cầu đầu vào vì là điều kiện tiên quyết của một số môn trong Chương trình đào tạo (bậc Đại học) nên vào học kỳ 1 sinh viên sẽ được xếp học môn Tin học dự bị (không có tín chỉ). Sinh viên có thể đăng ký kiểm tra trình độ tin học và nếu điểm kiểm tra đạt từ 5,0 trở lên sẽ được miễn môn Tin học dự bị.

4. Đối tượng tuyển sinh: Theo quy chế Tuyển sinh Đại học, Cao đẳng hệ chính quy hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

5. Quy trình đào tạo, điều kiện tốt nghiệp

Đào tạo theo học chế tín chỉ ban hành theo Quyết định số 1863/QĐ-BGH ngày 05 tháng 11 năm 2013 của Hiệu trưởng Trường Đại học Hoa Sen

Những sinh viên có đủ các điều kiện sau đây sẽ được xét công nhận tốt nghiệp:

- Tích lũy đủ số tín chỉ quy định cho chương trình đào tạo.
- Điểm trung bình tích lũy toàn khóa học đạt từ 2.0 trở lên và không có môn học không đạt (điểm D+, D, D-, F).

- Các môn học thuộc các mục từ 7.1.1 đến 7.1.3 có điểm TKMH ≥ 4.0 (hệ 10)
- Các môn học thuộc các mục từ 7.1.4 đến 7.2.4 có điểm TKMH ≥ 5.0 (hệ 10)
- Có chứng chỉ Giáo dục quốc phòng – An ninh và hoàn thành Chương trình Giáo dục thể chất.
- Có chứng chỉ chuẩn đầu ra tiếng Anh tối thiểu tương đương trình độ B1.
- Và một số quy định khác theo học chế tín chỉ ban hành theo Quyết định số 1863/QĐ-BGH của Hiệu trưởng Trường Đại học Hoa Sen, ký ngày ngày 5 tháng 11 năm 2013.

Sinh viên tốt nghiệp được cấp bằng Cử nhân ngành Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng của Trường Đại học Hoa Sen. Ngoài ra, nếu sinh viên hoàn thành đầy đủ các môn học có hợp tác với Viện Nghiên cứu và Phát triển Logistics Việt Nam sẽ được Liên đoàn Các Hiệp hội Giao nhận Vận tải Quốc tế - FIATA cấp giấy chứng nhận “Quản lý giao nhận vận tải quốc tế” (có đóng phí).

FIATA là tổ chức giao nhận vận tải lớn nhất thế giới với trên 150 quốc gia thành viên, giấy xác nhận có giá trị toàn cầu, không xác định thời hạn.

6. Thang điểm

TT	Loại	Thang điểm 10	Thang điểm chữ	Thang điểm 4
1	Đạt (tính số tín chỉ tích lũy)	9,0 – 10	A	4,0
2		8,5 – 8,9	A-	3,7
3		7,5 – 8,4	B+	3,3
4		7,0 – 7,4	B	3,0
5		6,0 – 6,9	B-	2,7
6		5,5 – 5,9	C+	2,3
7		5,0 – 5,4	C	2,0
8	(Đạt có điều kiện)	4,0 – 4,9	C-	1,7
9	Không đạt	3,0 – 3,9	D+	1,3
10		2,0 – 2,9	D	1,0
11		1,0 – 1,9	D-	0,7
12		00 – 0,9	F	00

7. Nội dung chương trình đào tạo

7.1. Kiến thức giáo dục đại cương

7.1.1 Lý luận Mác - Lênin và Tư tưởng Hồ Chí Minh

STT	MSMH	Tên môn học tiếng Việt	Tên môn học tiếng Anh	Tổng số tiết	Tín chỉ	Ghi chú
1	DC140DV01	Triết học Mác-Lênin	Marxist-Leninist Philosophy	45	3	
2	DC141DV01	Kinh tế chính trị Mác-Lênin	Marxist-Leninist Political Economy	30	2	
3	DC142DV01	Chủ nghĩa xã hội khoa học	Scientific Socialism	30	2	
4	DC143DV01	Tư tưởng Hồ Chí Minh	Ho Chi Minh's Ideology	30	2	
5	DC144DV01	Lịch sử Đảng CSVN	Vietnam Communist Party's History	30	2	
Cộng				165	11	

7.1.2 Khoa học xã hội

- Bắt buộc (3 tín chỉ):

STT	MSMH	Tên môn học Tiếng Việt	Tên môn học Tiếng Anh	Tổng số tiết	Tín chỉ	Ghi chú
1	DC137DV01	Pháp luật đại cương	General Law	45	3	
Cộng				45	3	

– Tự chọn (6 tín chỉ): chọn 2 môn

STT	MSMH	Tên môn học tiếng Việt	Tên môn học tiếng Anh	Tổng số tiết	Tín chỉ	Ghi chú
1	DC115DV01	Phương pháp học đại học	Study Skills in Higher Education	45	3	
2	DC122DV01	Kỹ năng sử dụng tiếng Việt	Vietnamese Writing Skills	45	3	
3	DC202DV01	Tư duy phản biện	Critical Thinking	45	3	
4	DC203DV01	Dẫn nhập phương pháp nghiên cứu	Introduction to Research Methods	45	3	
5	DC208DV02	Giao tiếp liên văn hóa	Intercultural Communication	45	3	
6	DC154DV01	Kinh tế văn hóa xã hội các nước ASEAN	ASEAN: Cultures, economies, and societies	45	3	
Cộng				90	6	

7.1.3 Toán – Tin học – Khoa học tự nhiên – Công nghệ – Môi trường

STT	MSMH	Tên môn học tiếng Việt	Tên môn học tiếng Anh	Tổng số tiết	Tín chỉ	Ghi chú
1	MIS215DV01	Tin học ứng dụng khối ngành Kinh tế	Information Technology in Business	45	3	
Cộng				45	3	

7.1.4 Ngoại ngữ

STT	MSMH	Tên môn học Tiếng Việt	Tên môn học Tiếng Anh	Tổng số tiết	Tín chỉ	Ghi chú
2	AV117DV01	Anh văn giao tiếp quốc tế 4	EIC 4	105	5	
3	AV210DV01	Anh văn giao tiếp quốc tế 5	EIC 5	105	5	
4	AV211DV01	Anh văn giao tiếp quốc tế 6	EIC 6	105	5	
Cộng				315	15	

7.1.5 Giáo dục thể chất: 03 tín chỉ

7.1.6 Giáo dục quốc phòng – An ninh: 165 tiết, cấp chứng chỉ GDQP – An ninh

7.1.7 Thực tập nhận thức tại doanh nghiệp: 7 tuần, 3 tín chỉ

7.2. Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp

7.2.1 Kiến thức cơ sở.

STT	MSMH	Tên môn học Tiếng Việt	Tên môn học Tiếng Anh	Tổng số tiết	Tín chỉ	Ghi chú
1	QT115DV01	Luật và đạo đức trong kinh doanh	Business Law and Ethics	45	3	
2	QT106DV02/ QT106DE02	Quản trị học	Introduction to Management	45	3	(#)
3	QT101DV01/	Kinh tế vi mô	Microeconomics	45	3	(#)

	QT101DE01					
4	QT102DV01/ QT102DE01	Kinh tế vĩ mô	Macroeconomics	45	3	(#)
5	KT204DV02	Nguyên lý kế toán	Introduction to Accounting	45	3	
6	MK203DV01/ MK203DE01	Marketing căn bản	Introduction to Marketing	45	3	(#)
7	NT103DV01	Nhập môn Kinh doanh quốc tế	Introduction to International Businesss	45	3	
8	NS207DV02/ NS207DE02	Quản trị nhân sự	Human Resource Management	45	3	(#)
9	KHTQ113DV01	Thống kê kinh doanh	Business Statistics	45	3	
10	TC202DV01/ TC202DE01	Tài chính doanh nghiệp	Corporate Finance	45	3	(#)
Cộng				450	30	

7.2.2 Kiến thức ngành chính

7.2.2.1 Kiến thức chung ngành chính

STT	MSMH	Tên môn học Tiếng Việt	Tên môn học Tiếng Anh	Tổng số tiết	Tín chỉ	Ghi chú
1	NT204DV02	Hội nhập & các cam kết quốc tế	Integration & International Agreement	45	3	
2	NT211DV01/ NT211DE01	Logistics	Logistics	45	3	(#)
	NT213DE01	Logistics (FIATA)	Logistics (FIATA)	45	3	(F)
3	NT208DV01/ NT208DE01	Quản trị nhà kho và tồn kho	Warehouse and Inventory Management	45	3	(#)
	NT214DE01	Quản trị nhà kho và tồn kho (FIATA)	Warehouse and Inventory Management (FIATA)	45	3	(F)
Cộng				135	9	

7.2.2.2 Kiến thức chuyên sâu ngành chính

STT	MSMH	Tên môn học tiếng Việt	Tên môn học tiếng Anh	Tổng số tiết	Tín chỉ	Ghi chú
1	NT309DV01	Nghiệp vụ ngoại thương	Techniques of International Trade	45	3	
	NT329DE01	Nghiệp vụ ngoại thương (FIATA)	Techniques of International Trade (FIATA)	45	3	(F)
2	NT322DV01	Vận tải đa phương thức	Multimodal transport	45	3	
	NT331DE01	Vận tải đa phương thức (FIATA)	Multimodal transport (FIATA)	45	3	(F)
3	NT326DV01	Vận tải thủy	Sea Transport	45	3	
	NT332DE01	Vận tải thủy (FIATA)	Sea Transport (FIATA)	45	3	(F)
4	NT327DV01/ NT327DE01	Hàng hóa và bảo hiểm trong vận tải quốc tế	Cargo and Insurance in International Transport	45	3	(#)
	NT333DE01	Hàng hóa và bảo hiểm trong vận tải quốc tế (FIATA)	Cargo and Insurance in International Transport (FIATA)	45	3	(F)
5	NT321DV01	Giao nhận hàng hóa và	Forwarding and	45	3	

		khai báo hải quan	customs declaration			
	NT330DE01	Giao nhận hàng hóa và khai báo hải quan (FIATA)	Forwarding and customs declaration (FIATA)	45	3	(F)
6	NT310DV02/ NT310DE02	Quản lý và khai thác cảng biển	Seaports management and operate	45	3	(#)
Cộng				315	21	

- Tự chọn bắt buộc (15 tín chỉ): Tùy theo nhu cầu đào tạo chuyên ngành, sinh viên chọn 5 trong số những môn sau:

STT	MSMH	Tên môn học tiếng Việt	Tên môn học tiếng Anh	Tổng số tiết	Tín chỉ	Ghi chú
1	NT316DV01	Hệ thống thông tin Logistics	Logistics Information systems	45	3	
	NT334DE01	Hệ thống thông tin Logistics (FIATA)	Logistics Information systems (FIATA)	45	3	(F)
2	NT325DV01	Luật vận tải và các công ước quốc tế	Transport Law and International Conventions	45	3	
3	NT301DV02	Đầu tư quốc tế	International Investment	45	3	
4	NT209DV01/ NT209DE01	Thương mại điện tử	E-Commerce	45	3	(#)
5	NT319DV01	Vận tải quốc tế	International Transport	45	3	
6	NT324DV01	Ứng dụng Blockchain trong kinh doanh quốc tế	Applying Blockchain on International business	45	3	
7	NT337DV01/ NT337DE01	Vận tải hàng hóa nguy hiểm	Dangerous Goods Transport	45	3	(#)
8	NT336DV01	Vận tải thủy nội địa	Inland Waterway Transport	45	3	
9	QT401DV03/ QT401DE03	Quản trị cung ứng	Supply Chain Management	45	3	(#)
Cộng				225	15	

- Đề án môn học:

STT	MSMH	Tên môn học Tiếng Việt	Tên môn học Tiếng Anh	Tổng số tiết	Tín chỉ	Ghi chú
1	NT306DV03	Đề án chuyên ngành	Project	0	2	
Cộng				0	2	

7.2.3 Kiến thức bổ trợ tự do (3 tín chỉ)

Sinh viên được tự do lựa chọn 3 tín chỉ các môn học nằm trong danh mục môn học của trường, trừ các tín chỉ bắt buộc, tự chọn bắt buộc đã được công nhận của CTĐT.

Khuyến khích sinh viên chọn trong những môn sau đây (không bắt buộc):

STT	MSMH	Tên môn học Tiếng Việt	Tên môn học Tiếng Anh	Tổng số tiết	Tín chỉ	Ghi chú
1	NT212DV01	Quản trị thu mua	Principles of Purchasing	45	3	
2	MK302DV01	Marketing quốc tế	International Marketing	45	3	
3	MK404DV01	Marketing dịch vụ	Service Marketing	45	3	
4	NT203DV01	Kinh tế quốc tế	International economics	45	3	
Cộng				45	3	

7.2.4 Tốt nghiệp:

Trước khi vào học kỳ cuối cùng, Khoa sẽ căn cứ *Quy định hướng dẫn về làm KLTN*. TTTN xét duyệt từng sinh viên để xác định việc học 1 trong 2 hình thức:

1. Khóa luận tốt nghiệp (nếu điểm TBTL ≥ 2.8)
2. Thực tập tốt nghiệp

Sinh viên có hoàn cảnh đặc biệt không thể chọn 1 trong 2 hình thức ở trên thì phải làm đơn kèm minh chứng để Khoa xem xét cho học 3 môn thay thế tốt nghiệp. Nếu sinh viên tự ý học các môn thay thế tốt nghiệp sẽ được xem là môn tự chọn tự do hoặc môn học thêm.

8. Các phụ lục đính kèm:

- Kế hoạch học tập: Các kế hoạch học tập đúng hạn (4 năm)
- Bảng đối chiếu Chuẩn đầu ra của CTĐT và môn học.

9. Hướng dẫn thực hiện chương trình

- 8.1. Trong Chương trình đào tạo có các môn dạy bằng tiếng Anh (mã DE) có ghi chú (#) hoặc (F), sinh viên có thể lựa chọn học bằng tiếng Anh (mã DE) hoặc tiếng Việt (mã DV) nhưng tối thiểu phải học 6 môn bằng tiếng Anh (mã DE) trong những môn học này.
- 8.2. Đối với các sinh viên muốn cấp giấy chứng nhận “Quản lý giao nhận vận tải quốc tế” được cấp bởi Liên đoàn Các Hiệp hội Giao nhận Vận tải Quốc tế - FIATA cần hoàn thành đầy đủ 8 môn có ghi chú (F).
- 8.3. Căn cứ kế hoạch giảng dạy trong Chương trình đào tạo và hướng dẫn đăng ký môn học trước mỗi học kỳ, Cố vấn học tập hướng dẫn sinh viên đăng ký môn học.
- 8.4. Đối với các môn Tự chọn bắt buộc, việc xem xét mở môn tùy thuộc vào điều kiện thực tế tại từng thời điểm: sĩ số sinh viên dự kiến đăng ký, nguồn lực giảng viên, các điều kiện về CSVC...
- 9.3. Môn học được giảng dạy theo Đề cương môn học đã được phê duyệt và phải được cung cấp cho sinh viên trước khi giảng dạy.
- 9.4. Tùy theo số tín chỉ đã tích lũy ở bất kỳ thời điểm xem xét, sinh viên sẽ được phân loại theo năm học như sau:

Loại SV	Số tín chỉ đạt
SV năm I	0 - 36
SV năm II	37 - 76
SV năm III	77 - 116
SV năm IV	Từ 117 trở lên

Việc phân loại sinh viên theo số tín chỉ, so sánh với số năm học danh nghĩa cũng là căn cứ để xác định tình trạng học tập của sinh viên. Do đó, sinh viên cần có kế hoạch học tập cá nhân phù hợp để hoàn thành Chương trình đào tạo trong thời gian tối đa được phép học tại trường.

Ngày 27 tháng 11 năm 2020
Trưởng/Phó Khoa KT&QT

PGS. TS. Hà Thị Ngọc Oanh

Ngày 27 tháng 11 năm 2020
Điều phối chương trình

ThS. Nguyễn Lê Đông Xuân

Ngày 29 tháng 12 năm 2020
HIỆU TRƯỞNG

PGS. TS. Nguyễn Ngọc Điện



PHỤ LỤC CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO
KẾ HOẠCH HỌC TẬP ĐÚNG HẠN (4 NĂM)
(Trình độ tiếng Anh đầu vào EIC 1)

Mẫu 1b

Ngành: Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng
Bậc: **ĐẠI HỌC**
Khóa: **2021-2025**

(Kế hoạch học tập xây dựng dựa trên Chương trình đào tạo ngành Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng được ban hành theo quyết định số...2643.../QĐ-ĐHHS của Hiệu trưởng trường Đại học Hoa Sen, ký ngày...29/12/20...)

HỌC KỲ 1

HỌC KỲ I							
STT	MSMH	Tên môn học tiếng Việt	Tên môn học tiếng Anh	Tín chỉ	Tổng tiết	Môn học trước	Ghi chú
1	AV012DV01	Anh văn giao tiếp quốc tế 1	EIC 1	0	158		
2	AV013DV01	Anh văn giao tiếp quốc tế 2	EIC 2	0	158	AV012DV01_Anh văn giao tiếp quốc tế 1	
3	GLAW101DV01	Pháp luật đại cương	Introduction to Law	3	45	-	
4	NT103DV01	Nhập môn Kinh doanh quốc tế	Introduction to International Business	3	45		
5	Môn tự chọn KHXH 1			3	45		
Tổng cộng				9	451		



HỌC KỲ TẾT

STT	MSMH	Tên môn học tiếng Việt	Tên môn học tiếng Anh	Tín chỉ	Tổng tiết	Môn học trước	Ghi chú
1	DC004DV02	Giáo dục quốc phòng		0	165		
Tổng cộng				0	165		

Ghi chú: Tùy trình độ tiếng Anh đầu vào và tình hình thực tế của nhà trường, môn học Giáo dục quốc phòng sẽ được sắp xếp linh hoạt so với kế hoạch này.

HỌC KỲ 2

STT	MSMH	Tên môn học tiếng Việt	Tên môn học tiếng Anh	Tín chỉ	Tổng tiết	Môn học trước	Ghi chú
1	AV015DV01	Anh văn giao tiếp quốc tế 3	EIC 3	0	105	AV013DV01_Anh văn giao tiếp quốc tế 2	
2	AV117DV01	Anh văn giao tiếp quốc tế 4	EIC 4	5	105	AV116DV01_Anh văn giao tiếp quốc tế 3	
3	QT115DV01	Luật và đạo đức trong kinh doanh	Business Law and Ethics	3	45		
4	KHTQ113DV01	Thống kê kinh doanh	Business Statistics	3	45		
5	KT204DV02	Nguyên lý kế toán	Introduction to Accounting	3	45	-	
6	TINV002DV01	Tin học dự bị		0	45		
Tổng cộng				14	390		

HỌC KỲ HÈ

STT	MSMH	Tên môn học tiếng Việt	Tên môn học tiếng Anh	Tín chỉ	Tổng tiết	Môn học trước	Ghi chú
1	AV210DV01	Anh văn giao tiếp quốc tế 5	EIC 5	5	105	AV117DV01_Anh văn giao tiếp quốc tế 4	
Tổng cộng				5	105		

HỌC KỲ 3

học R13

STT	MSMH	Tên môn học tiếng Việt	Tên môn học tiếng Anh	Tín chỉ	Tổng tiết	Môn học trước	Ghi chú
1	AV211DV01	Anh văn giao tiếp quốc tế 6	EIC 6	5	105	AV210DV01_Anh văn giao tiếp quốc tế 5	
2	MK203DV01/ MK203DE01	Marketing căn bản	Principles of Marketing	3	45	AV210DV01 - Anh văn giao tiếp quốc tế 5	#
3	QT106DV02/ QT106DE02	Quản trị học	Introduction to Management	3	45	AV210DV01 - Anh văn giao tiếp quốc tế 5	#
4	QT101DV01/ QT101DE01	Kinh tế vi mô	Microeconomics	3	45	AV210DV01 - Anh văn giao tiếp quốc tế 5	
5	DC140DV01	Triết học Mác-Lênin	Marxist-Leninist Philosophy	3	45		
6	Môn Giáo dục thể chất 1			1	45		
Cộng				18	330		

HỌC KỲ TẾT: SV học vượt hoặc trả nợ hoặc nghỉ

HỌC KỲ 4

học K14

STT	MSMH	Tên môn học tiếng Việt	Tên môn học tiếng Anh	Tin chỉ	Tổng tiết	Môn học trước	Ghi chú
1	DC141DV01	Kinh tế chính trị Mác-Lênin	Marxist-Leninist Political Economy	2	30	-	
2	MIS215DV01	Tin học ứng dụng khối ngành Kinh tế	Information Technology in Business	3	45	TINV002DV01_Tin học dự bị	
3	QT102DV01/ QT102DE01	Kinh tế vi mô	Macroeconomics	3	45	QT101DV01_Kinh tế vi mô AV210DV01 - Anh văn giao tiếp quốc tế 5	(#)
4	NT204DV02	Hội nhập & các cam kết quốc tế	Integration & International Agreement	3	45	-	
5		Tự chọn tự do 1 (*)		3	45		
6	Môn tự chọn KHXH 2			3	45		
7	Môn Giáo dục thể chất 2			1	45		
Tổng cộng				18	300		

HỌC KỲ HÈ

STT	MSMH	Tên môn học tiếng Việt	Tên môn học tiếng Anh	Tín chỉ	Tổng tiết	Môn học trước	Ghi chú
1	NT250DV02	Thực tập nhận thức	Work Experience Internship	3	7 tuần	-	
Tổng cộng				3	7 tuần		

HỌC KỲ 5

STT	MSMH	Tên môn học tiếng Việt	Tên môn học tiếng Anh	Tín chỉ	Tổng tiết	Môn học trước	Ghi chú
1	TC202DV01/ TC202DE01	Tài chính doanh nghiệp	Corporate Finance	3	45	AV210DV01 - Anh văn giao tiếp quốc tế 5	(#)
2	DC142DV01	Chủ nghĩa xã hội khoa học	Scientific Socialism	2	30	DC141DV01 - Kinh tế chính trị Mác-Lênin	
3	NT211DV01/ NT211DE01	Logistics	Logistics	3	45	AV210DV01 - Anh văn giao tiếp quốc tế 5	(#)
	Hoặc NT213DE01	Logistics (FIATA)	Logistics (FIATA)	3	45	AV210DV01 - Anh văn giao tiếp quốc tế 5	(F)
4	NT309DV01	Nghiệp vụ ngoại thương	Techniques of International Trade	3	45	-	
	Hoặc NT329DE01	Nghiệp vụ ngoại thương (FIATA)	Techniques of International Trade (FIATA)	3	45	AV210DV01 - Anh văn giao tiếp quốc tế 5	(F)
5	NT208DV02/ NT208DE02	Quản trị nhà kho và tồn kho	Warehouse and Inventory Management	3	45	AV210DV01 - Anh văn giao tiếp quốc tế 5	(#)
	Hoặc NT214DE01	Quản trị nhà kho và tồn kho (FIATA)	Warehouse and Inventory Management (FIATA)	3	45	AV210DV01 - Anh văn giao tiếp quốc tế 5	(F)
6		Tự chọn tự do 2 (*)		3	45		
7	Môn Giáo dục thể chất 3			1	45		
8	<i>Chọn 1 trong 2 môn sau:</i>						
	NT301DV02	Đầu tư quốc tế	International Investment	3	45	NT204D - Hội nhập và các cam kết quốc tế	
	NT324DV01	Ứng dụng Blockchain trong kinh doanh quốc tế	Applying Blockchain on International Business	3	45		
Tổng cộng				21	345		

HQC KỶ TẾT: SV có thể học vượt, trả nợ hoặc nghỉ

HQC KỶ 6

STT	MSMH	Tên môn học tiếng Việt	Tên môn học tiếng Anh	Tín chỉ	Tổng tiết	Môn học trước	Ghi chú
1	NT322DV01	Vận tải đa phương thức	Multimodal transport	3	45	-	
	hoặc NT331DE01	Vận tải đa phương thức (FIATA)	Multimodal transport (FIATA)	3	45	AV210DV01 - Anh văn giao tiếp quốc tế 5	(F)
2	NT326DV01	Vận tải thủy	Sea Transport	3	45	NT204D_Hội nhập & các cam kết quốc tế	
	hoặc NT332DE01	Vận tải thủy (FIATA)	Sea Transport (FIATA)	3	45	NT204D_Hội nhập & các cam kết quốc tế AV210DV01 - Anh văn giao tiếp quốc tế 5	(F)
3	NT327DV01	Hàng hóa và bảo hiểm trong vận tải quốc tế	Cargo and Insurance in International Transport	3	45	NT204D_Hội nhập & các cam kết quốc tế TC202D_Tài chính doanh nghiệp	
	hoặc NT333DE01	Hàng hóa và bảo hiểm trong vận tải quốc tế (FIATA)	Cargo and Insurance in International Transport (FIATA)	3	45		(F)
4	NS207DV02/ NS207DE02	Quản trị nhân sự	Human Resource Management	3	45	QT106D_Quản trị học AV210DV01 - Anh văn giao tiếp quốc tế 5	(#)
5	DC143DV01	Tư tưởng Hồ Chí Minh	Ho Chi Minh's Ideology	2	30	DC142DV01_Chủ nghĩa xã hội khoa học	
6,7	Chọn 2 trong số các môn:						
	NT325DV01	Luật vận tải và các công ước quốc tế	Transport Law and International Conventions	3	45	NT204D_Hội nhập & các cam kết quốc tế	
	NT337DV01/ NT337DE01	Vận tải hàng hóa nguy hiểm	Dangerous Goods Transport	3	45		
	NT336DV01	Vận tải thủy nội địa	Inland Waterway Transport	3	45	-	
Tổng cộng				20	300		

HQC KỶ HÈ: SV có thể học vượt, trả nợ hoặc nghỉ

HQC KỶ 7

STT	MSMH	Tên môn học tiếng Việt	Tên môn học tiếng Anh	Tín chỉ	Tổng tiết	Môn học trước	Ghi chú
1	DC144DV01	Lịch sử Đảng CSVN	Vietnam Communist Party's History	2	30	DC143DV01_Tư tưởng Hồ Chí Minh	
2	NT310DV02/ NT310DE02	Quản lý và khai thác cảng biển	Seaports management and operate	3	45	AV210DV01 - Anh văn giao tiếp quốc tế 5	(#)
3	NT306DV03	Đề án chuyên ngành	Project	2	0	-	
4	NT321DV01	Giao nhận hàng hóa và khai báo hải quan	Forwarding and customs declaration	3	45	-	
	hoặc NT330DE01	Giao nhận hàng hóa và khai báo hải quan (FIATA)	Forwarding and customs declaration (FIATA)	3	45	AV210DV01 - Anh văn giao tiếp quốc tế 5	(F)
5, 6	Chọn 2 trong số các môn:						
	NT319DV01	Vận tải quốc tế	International Transport	3	45		
	NT316DV01	Hệ thống thông tin Logistics	Logistics Information systems	3	45	-	
	hoặc NT334DE01	Hệ thống thông tin Logistics (FIATA)	Logistics Information systems (FIATA)	3	45	AV210DV01 - Anh văn giao tiếp quốc tế 5	(F)
	NT209DV01/ NT209DE01	Thương mại điện tử	E-Commerce	3	45	AV210DV01 - Anh văn giao tiếp quốc tế 5	(#)
	QT401DV03/ QT401DE03	Quản trị cung ứng	Supply Chain Management	3	45	MK203DV/DE01_Marketing căn bản	(#)
Tổng cộng				16	210		

HỌC KỲ TẾT: SV có thể học vượt, trả nợ hoặc nghỉ

HỌC KỲ 8

STT	MSMH	Tên môn học tiếng Việt	Tên môn học tiếng Anh	Tín chỉ	Tổng tiết	Môn học trước	Ghi chú
	Chọn 1 trong 2 hình thức:						
1	NT450DV01	Thực tập tốt nghiệp	Graduation Internship	9		Theo QĐ về KLTN, ĐATN, TTTN	
2	NT451DV01	Khóa luận tốt nghiệp	Graduation Paper	9		Theo QĐ về KLTN, ĐATN, TTTN	
Tổng cộng				9			

HỌC KỲ HÈ: Hết lộ trình mẫu - SV có thể trả nợ hoặc nghỉ

Lưu ý:

1/ Đối với các Kế hoạch học tập dành cho sinh viên có trình độ tiếng Anh đầu vào EIC 2, EIC 3, EIC 4, EIC 5, EIC 6, các môn tiếng Anh được sắp xếp theo bảng bên dưới (các môn học khác được sắp xếp tương tự như Kế hoạch này):

Stt	Trình độ anh văn đầu vào	Năm 1		
		Học kỳ 1 và học kỳ Tết	Học kỳ 2	Học kỳ hè
1	EIC 2	EIC 2 + EIC 3	EIC 4 + EIC 5	EIC 6
2	EIC 3	EIC 3	EIC 4 + EIC 5	EIC 6
3	EIC 4	EIC 4	EIC 5	EIC 6
4	EIC 5	EIC 5	EIC 6	
5	EIC 6	không học tiếng Anh	EIC 6	

2/ Các môn học Giáo dục thể chất sẽ được sắp xếp tùy điều kiện thực tế của nhà trường.

3/ Trong chương trình đào tạo có các môn dạy bằng tiếng Anh (mã DE) có ghi chú (#) hoặc (F), sinh viên có thể lựa chọn học bằng tiếng Anh (mã DE) hoặc tiếng Việt (mã DV) nhưng tối thiểu phải học 6 môn bằng tiếng Anh (mã DE) trong những môn học này.

4/ Đối với các sinh viên muốn cấp giấy xác nhận “Quản lý giao nhận vận tải quốc tế” được cấp bởi Liên đoàn Các Hiệp hội Giao nhận Vận tải Quốc tế - FIATA cần hoàn thành đủ 8 môn có ghi chú (F).

- Tổng tín chỉ tích lũy: 130
- Số tín chỉ GDTC: 3

Ngày 27 tháng 11 năm 2020
Điều phối chương trình



ThS. Nguyễn Lê Đông Xuân